

Bản án số: 396/2020/HC-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2020
“V/v khiếu kiện quyết định hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 86/2020/TLPT-HC ngày 17 tháng 01 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1371/2019/HC-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1928/2020/QĐPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Vũ Quang T, sinh năm 1955 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 17, đường số 154, Khu phố 3, phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1991; Địa chỉ: 281/66/14 Lê Văn Sỹ, Phường I, quận Tân Bình, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2019) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D¹ – Trưởng Văn phòng luật sư D¹ – Vietlaw thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố H.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T: Ông Nguyễn Hữu Anh T¹ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (Có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Nam K, Chuyên viên Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận T – Có mặt;
- Ông Nguyễn Thanh H¹, Phó Trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận T – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;
- Ông Dương Thành N, Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị - Môi trường quận T – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

3. *Người kháng cáo:* Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Vũ Quang T trình bày:

Ông là chủ sở hữu nhà đất số 20/24A Xa lộ Hà Nội, Khu phố 6, phường Linh Trung, quận T, Thành phố H có diện tích 281,2 m² thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 28 (TL BĐĐC 2004).

Năm 2009, ông nhận Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 23/3/2009 của Ủy ban nhân dân quận T thu hồi đất. Không đồng ý nên ông khiếu nại. Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 16/6/2011 thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 23/3/2009.

Năm 2013, ông nhận Quyết định số 6214/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 (Viết tắt Quyết định 6214) về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ I. Không đồng ý nên ông khiếu nại. Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6103/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 (Viết tắt Quyết định 6103) về việc chi trả bổ sung. Ông tiếp tục khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 7593/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 (Viết tắt Quyết định 7593) bác khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại. Ngày 17/4/2018 ông nhận được Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (Viết tắt Quyết định 1126) giữ nguyên Quyết định số 7593/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

Ông Vũ Quang T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định: 6124, 6103, 7593 và 1126 nêu trên. Lý do: Ông không nhận được quyết định thu hồi đất cá biệt đối với đất tại số 20/24A, các quyết định về bồi thường hỗ trợ ghi chung chung, không rõ ràng về diện tích, vị trí đất thu hồi, về đơn giá bồi thường, tài sản gắn liền ... Phần đất của ông bị thu hồi đã chiếm dụng sử dụng cho dự án Mettro Bến Thành – Suối Tiên nhưng ông không được thông báo. Việc giải quyết khiếu nại chậm của chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông. Nhà đất số 20/24A có nguồn gốc rõ ràng, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân quận T cố tình làm sai lệch hồ sơ nhập 3 cá nhân thành 01 hộ gia đình, không rõ ràng giữa việc thu hồi đất các dự án khác nhau để đền bù giá rẻ.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trình bày: Phân diện tích theo lời người khởi kiện có nguồn gốc đất công thổ quốc gia trước 30/4/1975. Sau 30/4/1975, ông Nguyễn Hữu H sử dụng đến năm 1980 cho lại ông Nguyễn Quang S sử dụng đến năm 1990 chuyển nhượng lại cho ông Phan Thanh B và đến tháng 11/1999 ông B chuyển nhượng lại cho ông Vũ Quang T. Việc canh tác, chuyển nhượng đều bằng giấy tay không có xác nhận của chính quyền. Tổng diện tích do ông T sử dụng đã từng tồn tại căn nhà do ông B tự xây cất trước ngày 15/10/1993; đồng thời tổng khuôn viên đất do

vợ chồng ông Vũ Quang T, Vũ Thị L, Vũ Thị H² sử dụng đều có chung một nguồn gốc và chung quá trình sử dụng nên việc bồi thường chung cho các phần đất trên hạn mức 200 m² đất ở là phù hợp. Căn cứ Công văn số 4733/STC-HĐTĐBT-BVG ngày 04/6/2009 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố thì việc Ủy ban nhân dân quận T không bồi thường phần diện tích thuộc lưng ông nước 5,4 m²/194,5 m² do ông T sử dụng là đúng Phương án. Căn cứ khoản 14.2 Điều 14 phần IV Phương án số 26/PA-HĐBT ngày 15/3/2012, Ủy ban nhân dân quận T bồi thường 119,1 m²/194,5 m² theo đơn giá đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư là đúng quy định. Không bồi thường phần mái che 107,07 m² do ông T xây dựng sau ngày 01/7/2004 là đúng chính sách. Do đó, Ủy ban nhân dân quận T đã thực hiện việc bồi thường và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự và đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T trình bày: Biên bản kiểm kê hiện trạng đất, nhà ở, công trình, vật kiến trúc trên đất và tài sản đang sử dụng trong ranh giải tỏa ngày 02/4/2013 có ông T chứng kiến. Ngày 13/5/2013, Ủy ban nhân dân phường Linh Trung xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất, thời điểm xây dựng, tạo lập nhà và công trình đối với hộ ông T. Căn cứ Phương án số 26/PA-HĐBT ngày 15/3/2012, Phương án số 06/PA-HĐBT ngày 01/02/2013 và Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 02/4/2013, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng duyệt giá bồi thường và hỗ trợ cho ông T là 299.590.550 đồng. Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6214 chi trả số tiền trên. Ông T khiếu nại, Ủy ban nhân dân phường Linh Trung có xác nhận ngày 06/01/2014 và tiến hành làm việc với ông T thì Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng quyết định bồi thường và hỗ trợ bổ sung với tổng số tiền bồi thường hỗ trợ cho ông T là 927.535.000 đồng nên Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6103 chi trả bổ sung. Ông T khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 7593 bác khiếu nại. Ông T tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 1126 bác khiếu nại của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1371/2019/HC-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ các điều 32, 60, 116, 157, 168, 193, 194 và 206 Luật tổ tụng hành chính; Các điều 62, 69, 70, 71, 74, 76, 79, 80, 83 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quang T về yêu cầu hủy bỏ các Quyết định số 6214/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ I đoạn từ Nút giao thông Thủ Đức (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương; Quyết định số 6103/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án mở rộng Quốc lộ I đoạn từ Nút giao thông Thủ Đức (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương; Quyết định số 7593/QĐ-UBND

ngày 13/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quang T và Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quang T, quận T.

Đình chỉ yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận T giao trả lại toàn bộ diện tích nhà đất 20/24A Xa lộ Hà Nội do cưỡng chế trái quy định pháp luật và bồi thường thiệt hại do bị cưỡng chế.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2019, ông Nguyễn Xuân D là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Vũ Quang T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày tuy đơn ghi là kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, nhưng người khởi kiện chỉ kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, hủy các quyết định số 6124, 6103, 7593 và 1126 vì các lý do sau đây: Ủy ban nhân dân quận T không có quyết định thu hồi đất cá biệt đối với hộ gia đình, theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Ủy ban nhân dân thành phố và các Bộ ngành không có thẩm quyền giải thích pháp luật nên việc Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân quận T không ban hành quyết định thu hồi đất đối với từng hộ gia đình là trái quy định của Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013 và văn bản chuyển tiếp; Quyết định thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 1A nhưng lại sử dụng đất thu hồi vào dự án Metro là sai mục đích; Bồi thường chung cho 3 hộ gia đình 200 m² theo thỏa thuận là trái pháp luật vì trong quan hệ hành chính không có quy định thỏa thuận; Quyết định 1126 có vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại. Bản án sơ thẩm căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 để ra phán quyết trong khi người bị kiện viện dẫn luật đất đai năm 2003 để giải trình. Do đó, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị xem xét việc thương lượng để thi hành quyết định quản lý về đất đai là không đúng pháp luật; Các hộ gia đình nhận chuyển nhượng riêng, có diện tích riêng, sổ nhà riêng nhưng lại bồi thường chung là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 197/NĐ-CP; Quyết định thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ nhưng lại sử dụng đất thu hồi vào Metro là sai mục đích, cố tình làm lẫn lộn để bồi thường giá thấp; Thu hồi đất nhưng không có quyết định thu hồi cá biệt là trái pháp luật; Tại công văn số 512 (năm 2013) xác định nếu đất đã có nhà ở, dù đã tháo dỡ nhà ở thì vẫn công nhận là đất ở và tại Quyết định số 1126, Bản án sơ thẩm cũng xác định đất của ông T sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 đủ điều kiện để công nhận là đất ở; việc bồi thường thực hiện năm 2013, 2014 nhưng lại áp giá của thời điểm trước Luật đất đai năm 2003 là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, hủy các quyết định mà ông T đã khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện (ông Nguyễn Nam K) đề nghị xem xét Ủy ban quận đã có ban hành quyết định thu hồi đất từng hộ gia đình nhưng Ủy ban nhân dân thành phố không đồng ý nên Ủy ban quận

thu hồi hủy bỏ. Việc thu hồi đất là thực hiện quyết định 3453 và quyết định 2725 giao Ủy ban nhân dân quận quản lý để mở rộng Quốc lộ IA, chỉ sau khi đã thực hiện mở rộng Quốc lộ, thì nhà nước mới sử dụng đất thuộc quốc lộ để làm dự án Metro. Các hộ ông T, bà L, bà H² là các thửa số 95, 96, 97 nhưng trước đây chỉ là đất trống cho xe cơ giới, còn căn nhà của ông B nằm ngoài ranh 3 thửa đất trên và căn nhà này cũng đã phá bỏ nên ban đầu sẽ bồi thường theo giá đất nông nghiệp, nhưng do ông T có ý kiến, Ủy ban nhân dân quận xin ý kiến cấp trên đồng ý cho bồi thường chung định mức đất ở 200 m² cho 3 hộ và các hộ đã tự nguyện thỏa thuận như trên. Nếu các hộ không thỏa thuận thì sẽ bồi thường theo giá đất nông nghiệp mà không bồi thường theo đất ở. Vì vậy, không đồng ý kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại văn bản ủy quyền ngày 12/7/2019 của người khởi kiện ông Vũ Quang T có nội dung ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân D đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 205 và khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại công văn số 361/BTNMT-ĐĐ ngày 30/01/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn đối với các trường hợp thu hồi đất mà đã có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và đất đai trước Luật Đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân cấp huyện không phải ban hành quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Trường hợp việc bồi thường chậm thuộc trường hợp điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp huyện cũng không phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân.

Việc thu hồi đất của ông Vũ Quang T được thực hiện theo Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 20/8/2003 và Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố H (bổ sung Điều I của Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 20/8/2003) là trước thời điểm có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Quang T cho rằng Ủy ban nhân dân quận T đã sai khi thu hồi đất của ông mà không ban hành quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể.

[3] Phần diện tích chênh lệch giữa Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 20/8/2003 với Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố H là 130.794 m² đã được giao cho Ủy ban nhân dân quận T quản lý để thực hiện mở rộng Xa lộ Hà Nội và đường Trường Sơn. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T cho rằng Ủy ban nhân dân quận T sử dụng đất thu hồi sai mục đích.

[4] Quyết định số 6124/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 6103/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung đều căn cứ vào Phương án số 26/PA-HĐBT ngày 15/3/2012 và Phương án số 06/PA-HĐBT ngày 01/02/2013 điều chỉnh, bổ sung Phương án số 26 do Ủy ban nhân dân quận T phê duyệt tại Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 01/02/2013. Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Vũ Quang T đã được thực hiện theo quy định tại thời điểm bồi thường là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm bồi thường (Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ).

Tại Biên bản ngày 16/9/2014 (bút lục 208), ông Vũ Quang T và bà Vũ Thị L, Vũ Thị H đều thống nhất việc bồi thường là bồi thường chung cho 03 hộ bằng một hạn mức đất ở 200 m², trong đó ông Vũ Quang T được bồi thường theo đất ở diện tích 70 m². Do đó, Ủy ban nhân dân quận T đã thực hiện việc bồi thường cho ông Vũ Quang T theo mức 70 m² đất ở là có căn cứ.

[5] Do Quyết định số 6124 và Quyết định số 6103 đã được ban hành đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 7593 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định 1126 đều có nội dung bác khiếu nại của ông Vũ Quang T là có căn cứ. Tuy Quyết định số 1126 có vi phạm về thời hạn, nhưng vẫn được Tòa án thụ lý giải quyết, nên vẫn đảm bảo quyền khởi kiện của ông Vũ Quang T đối với quyết định này. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Quang T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Ông Vũ Quang T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết đối với nội dung ông Vũ Quang T đã rút yêu cầu khởi kiện; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân D đại diện hợp pháp cho người khởi kiện ông Vũ Quang T và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1371/2019/HC-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

Không chấp nhận khởi kiện của ông Vũ Quang T yêu cầu hủy bỏ các quyết định: Quyết định số 6214/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ I đoạn từ Nút giao thông Thủ Đức (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương; Quyết định số 6103/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án mở rộng Quốc lộ I đoạn từ Nút giao thông Thủ Đức (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương; Quyết định số 7593/QĐ-UBND

ngày 13/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quang T và Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quang T, quận T.

3. Ông Vũ Quang T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết đối với nội dung ông Vũ Quang T đã rút yêu cầu khởi kiện; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

